

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/6/2024

"Ly hôn"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Lê Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh và bà Võ Thị Nguyệt Ánh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST -HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn" - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố E, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Đ, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/3/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 7 năm 2005 tại UBND xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T và anh N đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, không còn quan hệ vợ chồng, hôn nhân hình thức trên giấy tờ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, do đó, chị Trương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn N1, sinh ngày 15/12/2005, nay cháu N1 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại đơn trình bày đề ngày 20/3/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N và chị Trương Thị T đã đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2005 tại UBND xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Trước khi kết hôn chị T đã quan hệ bất chính với một người đàn ông khác mà anh N không biết. Nhưng sau khi anh N và chị T kết, hôn chị T sinh được 01 người con trai tên là Nguyễn Văn N1, sinh ngày 15/12/2005 thì anh N mới biết cháu Nguyễn Văn N1 không phải là con đẻ của anh N. Tại giấy khai sinh của cháu Nguyễn Văn N1 ghi anh Nguyễn Văn N là cha đẻ, nhưng thực chất Nguyễn Văn N1 không phải con đẻ của anh N mà là con của một người đàn ông khác. Vì vậy, từ đó đến nay anh N không nhận cháu Nguyễn Văn N1 là con chung của anh N và chị T, do đó anh N và chị T đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay.

Nay chị Trương Thị T yêu cầu ly hôn với anh N thì anh N đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì thực chất trên giấy tờ về mặt pháp lý theo giấy chứng nhận kết hôn thì anh N với chị T là vợ chồng, nhưng từ năm 2006, đặc biệt sau khi anh N biết cháu Nguyễn Văn N1 không phải là con đẻ của anh N nên từ đó đến nay anh N và chị T không có quan hệ gì với nhau và cũng không có tài sản, nợ chung gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn N có địa chỉ cư trú tại thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình "*Ly hôn*", Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị có thẩm quyền giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn N2 theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 7 năm 2005 tại UBND xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T và anh N đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh N chỉ có văn bản đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại các

phiên tòa không có lý do, thể hiện anh N không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan hệ vợ chồng gần 20 năm, hôn nhân hình thức trên giấy tờ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn N1, sinh ngày 15/12/2005, nay cháu N1 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyễn đơn chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.
2. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/2023/0000041 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, chị Trương Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Lê Phương Thảo**